

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SON TÂY**

Số: **14** /HĐND

V/v báo cáo xây dựng Đề án đẩy
mạnh cải cách hành chính trong
hệ thống chính trị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Son Tây, ngày **19** tháng 5 năm 2016

Kính gửi: Thường trực HĐND các xã.

Thực hiện Công văn số 575-CV/TU ngày 09/5/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc xây dựng Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị của tỉnh và Công văn số 85/HĐND-VP ngày 13/5/2016 về việc báo cáo xây dựng Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị của tỉnh (có sao gửi kèm theo); Thường trực HĐND huyện yêu cầu:

Thường trực HĐND các xã theo chức năng, nhiệm vụ, báo cáo, cung cấp số liệu, dữ liệu và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp theo gợi ý đề cương kèm theo Công văn số 575-CV/TU ngày 09/5/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; *trong đó lưu ý: Báo cáo cần phải phân tích, đánh giá rõ, đầy đủ các mục, các gợi ý nêu trong Đề cương, cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu, số liệu và đề xuất cụ thể nhiệm vụ, giải pháp theo gợi ý của Đề cương xây dựng Đề án; kèm theo báo cáo, cần có các biểu mẫu thể hiện khái quát, cụ thể số liệu, dữ liệu để thuận tiện cho việc tổng hợp xây dựng Đề án*), hoàn thành và gửi về Thường trực HĐND huyện **trước ngày 27/5/2016** và qua địa chỉ email: thaithu1803@gmail.com để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND huyện;
- C, PVP, TH_{TTT};
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



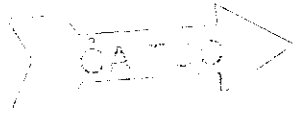
Nguyễn Hoàng Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 85 /HĐND-VP
V/v báo cáo xây dựng Đề
án đẩy mạnh cải cách
hành chính trong hệ thống
chính trị của tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 5 năm 2016



Kính gửi: Thường trực HĐND các huyện, thành phố

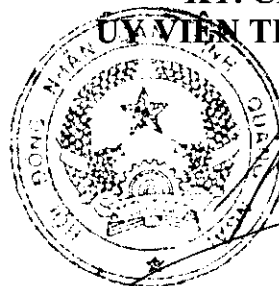
Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 577-CV/TU ngày 9/5/2016 về việc báo cáo phục vụ xây dựng Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị của tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng báo cáo, cung cấp số liệu, dữ liệu và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp theo gợi ý Đề cương xây dựng Đề án kèm theo Công văn số 577-CV/TU ngày 9/5/2016 (được gửi kèm theo Công văn này); *trong đó lưu ý: báo cáo của Thường trực HĐND các huyện, thành phố phải tổng hợp từ cấp huyện đến cấp xã, đánh giá phân tích rõ, đầy đủ các mục, các gợi ý nêu trong Đề cương, cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu, số liệu và đề xuất cụ thể nhiệm vụ, giải pháp theo gợi ý của Đề cương; kèm theo báo cáo cần có các biểu mẫu thể hiện khái quát, cụ thể các số liệu, dữ liệu để thuận tiện cho việc xây dựng đề án theo ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.*

Đây là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện, báo cáo đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian (báo cáo cho Thường trực HĐND tỉnh **chậm nhất trước ngày 30/5/2016** qua đường công văn và địa chỉ email: duong.hdndquangngai@gmail.com) để Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp, xây dựng báo cáo chung, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP,
- Các Phòng CTHĐND, DNNT;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



Võ Phiên

GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG

Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016 - 2020

A. TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Nêu đặc điểm chung của tỉnh.

II. Cơ sở lý luận, thực tiễn và sự cần thiết xây dựng đề án.

B. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI GIAN QUA

I. Cải cách thể chế

1. Kết quả

1.1. Đánh giá công tác xây dựng, ban hành, rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp.

1.2. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh, nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, nhất là trên các lĩnh vực: đất đai, đầu tư, chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

1.3. Đánh giá việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách của tỉnh trên các lĩnh vực. Đánh giá hiệu quả, mức độ tác động đến sự quản lý của Nhà nước và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Đánh giá về nhận thức, tư tưởng đổi mới, tính sáng tạo của đội ngũ cán bộ các cấp trong áp dụng và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước.

2. Hạn chế, yếu kém: đánh giá tương ứng với các mục trên.

3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

II. Cải cách thủ tục hành chính

1. Kết quả

1.1. Đánh giá việc rà soát, kiểm soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

1.2. Đánh giá kết quả cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư, đất đai, tài chính, xây dựng cơ bản, hải quan, thuế...

1.3. Đánh giá kết quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại.

1.4. Đánh giá mức độ công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính.

1.5. Đánh giá việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các quy định hành chính.

* Trong đánh giá 5 nội dung nêu trên cần nêu địa phương, ngành nào thực hiện tốt, chưa tốt.

2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

III. Cải cách tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị

1. Trong cơ quan hành chính nhà nước (kể cả Hội đồng nhân dân)

1.1. Kết quả

1.1.1. Đánh giá việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (trong đó nêu rõ: Số lượng phòng, ban, chi cục của mỗi cơ quan từ năm 2010 đến nay; biên chế được giao và hiện đang sử dụng của mỗi cơ quan).

1.1.2. Việc quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính, nêu rõ những chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

1.1.3. Đánh giá về việc phân công, phân cấp quản lý nhà nước.

1.1.4. Đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

1.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên

1.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan

2. Trong các đơn vị sự nghiệp công

Đánh giá tổng thể theo các nội dung sau:

- Đánh giá việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp theo các nghị quyết, nghị định của Chính phủ.

- Số lượng đơn vị sự nghiệp của mỗi cơ quan, sở, ngành; tổng biên chế được giao và hiện đang sử dụng của từng đơn vị.

- Mức độ tự chủ của từng đơn vị sự nghiệp:

+ Số đơn vị tự chủ kinh phí hoàn toàn, nêu rõ mức tự chủ của từng đơn vị.

+ Số đơn vị tự chủ một phần kinh phí (nêu rõ mức tự chủ được bao nhiêu; ngân sách nhà nước cấp bao nhiêu, chiếm bao nhiêu %).

+ Số đơn vị chưa tự chủ (nêu rõ ngân sách nhà nước cấp bao nhiêu).

- Đánh giá hiệu quả hoạt động, sản phẩm, kết quả công việc (đầu ra) của các đơn vị (nêu rõ bao nhiêu phần trăm hoạt động có hiệu quả, không hiệu quả).

- Số đơn vị đăng ký lộ trình chuyển sang tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

* Ngoài các nội dung trên, đối với từng đơn vị sự nghiệp cụ thể mà có đánh giá riêng.

2.1. Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

2.1.1. Kết quả

- Áp dụng đánh giá tương tự như điểm 2, phần III mục này, trong đó lưu ý thêm một số vấn đề sau:

- Nêu rõ số lượng điểm trường; số lượng phòng chức năng, số lớp học; tổng số học sinh của mỗi lớp học tại từng điểm trường; số biên chế tại mỗi điểm trường; chi phí tiền lương trên đầu học sinh ở mỗi điểm trường; tính hợp lý của các điểm trường ở miền núi (đánh giá có nêu số lượng cụ thể).

- Đánh giá các chính sách cho học sinh miền núi.

- Đánh giá tính hiệu quả của các cơ sở giáo dục nội trú.

- Trình độ đội ngũ giáo viên.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động và cách thức quản lý các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên...

2.1.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

2.1.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

2.2. Lĩnh vực sự nghiệp y tế:

2.2.1. Kết quả

- Áp dụng đánh giá tương tự như điểm 2, phần III mục này, trong đó lưu ý thêm một số vấn đề sau:

- Đánh giá việc phân cấp quản lý các bệnh viện, đơn vị, trung tâm y tế.

- Đánh giá hiệu quả các loại hình y tế (Trạm y tế theo từng vùng; Trung tâm y tế dự phòng; Trung tâm y tế, các bệnh viện huyện, thành phố; các bệnh viện chuyên ngành; Bệnh viện tỉnh)...

2.2.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

2.2.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

2.3. Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch

2.3.1. Kết quả

- Áp dụng đánh giá tương tự như điểm 2, phần III mục này, trong đó lưu ý thêm một số vấn đề sau:

+ Khả năng xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch.

+ Về phân cấp quản lý các di tích, di sản, khu du lịch... giữa ngành và địa phương.

2.3.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

2.3.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

3. Các hội xã hội, nghề nghiệp

3.1. Kết quả:

- Số lượng hội xã hội, nghề nghiệp, trong đó có bao nhiêu hội đặc thù.

- Tổng số biên chế được giao và hiện đang sử dụng của từng hội.

- Đánh giá kinh phí hỗ trợ hàng năm cho các hội (trong đó hội đặc thù là bao nhiêu).

- Đánh giá nội dung, phương thức hoạt động.

3.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

3.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

4. Khối đảng, mặt trận, đoàn thể

4.1. Khối Đảng

4.1.1. Kết quả

- Đánh giá việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy (trong đó nêu rõ: Số lượng phòng, ban của mỗi cơ quan từ năm 2010 đến nay; biên chế được giao và hiện đang sử dụng của mỗi cơ quan).

- Việc quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy.

- Đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

4.1.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

4.1.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

4.2. Mặt trận, đoàn thể (đánh giá giống như khối đảng).

4.3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc khối đảng, đoàn thể (đánh giá tương tự như trong các đơn vị sự nghiệp công ở điểm 2, phần III).

4.4. Đánh giá thực trạng cán bộ hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn:

- Số lượng đội ngũ cán bộ hoạt động không chuyên trách.
- Nội dung, hiệu quả hoạt động.
- Chế độ, chính sách hiện nay.
- Ngân sách hằng năm chi cho đối tượng này.

5. Đánh giá tỷ lệ tổng chi thường xuyên cho bộ máy trong hệ thống chính trị trên tổng chi ngân sách tỉnh.

IV. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1. Khối chính quyền (kể cả Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã và cán bộ thôn)

1.1. Kết quả

- Số lượng biên chế.
- Kết quả tinh giản biên chế trong những năm gần đây.
- Trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị.
- Đánh giá hiệu quả thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức (đánh giá rõ có bao nhiêu phần trăm cán bộ, công chức đáp ứng tốt yêu cầu công việc được giao).
- Thái độ, ý thức, tinh thần trách nhiệm trong công việc.
- Tuyển dụng, thu hút, đào tạo.
- Chuyển đổi vị trí công tác.
- Việc thanh tra công vụ.
- Việc nhận xét, đánh giá cán bộ.
- Đánh giá việc xây dựng Đề án vị trí việc làm.

1.2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

1.3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

2. Khối đảng, mặt trận, đoàn thể: (đánh giá tương tự như khối chính quyền).

3. Khối sự nghiệp: (đánh giá tương tự như khối chính quyền).

V. Cải cách tài chính công

1. Kết quả

- Đánh giá việc giao quyền tự chủ (về sử dụng biên chế, kinh phí) trong cơ quan hành chính, trong các đơn vị sự nghiệp công.
- Đánh giá việc quản lý và minh bạch trong chi tiêu công, nhất là trong chi đầu tư phát triển.

2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

VI. Hiện đại hóa nền hành chính

1. Kết quả

- Đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, phục vụ quản lý và điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước.
- Việc cung cấp các dịch vụ công trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Đánh giá việc công khai, minh bạch cơ chế, chính sách; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết công việc, thời gian, tiến độ và kết quả giải quyết cho người dân trên mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh.

2. Hạn chế, yếu kém: Đánh giá tương ứng với các mục trên.

3. Nguyên nhân: khách quan, chủ quan.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

2.2. Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Về cải cách thủ tục hành chính.

- Về mức độ hài lòng của tổ chức, công dân về thủ tục hành chính; mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế đạt bao nhiêu %.

- Về lộ trình đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính.

- Phấn đấu đến năm 2020, thực hiện tinh giản bao nhiêu % biên chế theo định mức biên chế được giao.

- Đến cuối năm 2020, thực hiện bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ dân phố và trưởng ban mặt trận đạt bao nhiêu %.

- Việc thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND hoặc chủ tịch HĐND cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện, thành phố.

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Cải cách thủ tục, hiện đại hóa nền hành chính:

1.1. Tách dịch vụ công ra khỏi chức năng quản lý nhà nước. Thành lập các Trung tâm hành chính công theo hướng trực thuộc ủy ban nhân dân cùng cấp, bảo đảm nguyên tắc thẩm định, phê duyệt, giải quyết tại chỗ thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân. Trong đó xác định rõ:

- Bộ thủ tục hành chính và lộ trình đưa vào giải quyết tại trung tâm hành chính công các cấp.

- Lộ trình xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm hành chính công các cấp.

- Lộ trình thí điểm xây dựng Trung tâm hành chính công 02 cấp ở huyện Lý Sơn.

1.2. Thường xuyên rà soát, bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi các loại thủ tục hành chính, tạo thuận tiện cho nhân dân và doanh nghiệp trong giao dịch hành chính.

1.3. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính, bảo đảm phát huy hiệu quả sau khi ban hành.

1.4. Công khai, minh bạch toàn bộ thủ tục hành chính.

1.5. Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính...

2. Sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị.

Sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, một đơn vị thực hiện nhiều chức năng, một người làm nhiều nhiệm vụ; một chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

2.1. Cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể

2.1.1. Sắp xếp lại các phòng chuyên môn của các ban xây dựng Đảng, Mặt trận, đoàn thể theo hướng hợp nhất các phòng có sự tương đồng về nhiệm vụ để giảm bớt số phòng.

2.1.2. Xây dựng MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội là một tổ chức chính trị - xã hội thống nhất hoạt động trên nguyên tắc thống nhất về tổ chức, phối hợp và thống nhất về hành động, phân công về đối tượng.

2.1.3. Thực hiện dùng chung bộ phận tài vụ, phục vụ đối với các ban đảng tại Văn phòng Tỉnh ủy.

2.2. Các cơ quan khối chính quyền

2.2.1. Sắp xếp, cơ cấu lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

2.2.2. Sắp xếp, cơ cấu lại các phòng chuyên môn của các sở, ban, ngành, đơn vị; tổ chức lại các chi cục và các phòng chuyên môn có cùng chức năng, nhiệm vụ theo nguyên tắc những lĩnh vực chuyên ngành đã thành lập chi cục trực thuộc thì không thành lập phòng chuyên môn thuộc sở.

* Lưu ý trong các tiết 3.1, 3.2. nêu trên cần làm rõ một số nội dung sau:

- Việc sắp xếp, hợp nhất thực hiện ở cơ quan, bộ phận nào.
- Lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành.
- Số lượng đầu mỗi tỉnh giảm.
- Số lượng biên chế tỉnh giảm.
- Tính khả thi và hiệu quả.

2.3. Đổi mới cơ chế, chuyển đổi mô hình hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích xã hội hóa

- Tất cả đơn vị sự nghiệp công xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xác định rõ lộ trình:

+ Thực hiện đơn vị nào chuyển sang mô hình doanh nghiệp, đơn vị nào giải thể, đơn vị nào được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo phương thức "đặt hàng" và soát xét chi trả theo kết quả sản phẩm đầu ra.

+ Chuyển cơ chế cấp phát theo định mức sang thực hiện phương thức "đặt hàng", "mua hàng", chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước sang hình thức đấu thầu.

+ Chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp kinh tế sang mô hình doanh nghiệp hoặc áp dụng phương thức hợp tác công - tư, trước hết là các ban quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện, ban quản lý dự án công trình của các sở, ngành; ban quản lý chợ...

- Xã hội hóa đối với các công việc nhà nước làm không hiệu quả.

2.3.1. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục

- Thực hiện theo các nội dung ở tiết 3.3, điểm 3, phần II nêu trên.

- Sáp nhập đầu mối nào, ở đâu.
- Rà soát, sắp xếp lại các điểm trường như thế nào để bảo đảm chất lượng dạy và học, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tiết kiệm kinh phí từ ngân sách.
- Bổ sung một số cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân ở các địa bàn miền núi, hải đảo khó khăn đưa con em tới trường.
- Bổ sung một số chính sách đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, giảm dần khoảng cách không bình đẳng giữa cơ sở công lập và ngoài công lập về cơ hội cung ứng dịch vụ, tăng khả năng thu hút nguồn lực xã hội, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục.
- Mô hình nội trú mới thực hiện như thế nào để phát huy hiệu quả
- Thời gian, lộ trình thực hiện.
- Số lượng, đầu mối đơn vị, trung tâm, trường, điểm trường giảm.
- Số lượng giáo viên phải tinh giản.
- Tính khả thi và hiệu quả.

2.3.2. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế

Tương tự như điểm 3.3 nêu trên, trong đó nêu rõ việc sắp xếp, tổ chức lại ở:

- Tuyển tỉnh.
- Tuyển huyện.
- Tuyển xã.

2.3.3. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch.

- Tương tự như điểm 3.3 nêu trên.
- Phân cấp quản lý; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ trong quản lý các di tích, khu du lịch...

2.4. Đổi mới cơ chế quản lý và định hướng hoạt động của các hội theo đúng quy định

3. Tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

3.1. Xây dựng Đề án vị trí việc làm

- Tính toán cần tinh giản ở ngành nào, lĩnh vực nào.
- Xác định đến năm 2020 thực hiện tinh giản bao nhiêu % biên chế so với định mức được giao.

3.2. Thực hiện kiêm nhiệm nhất thể hóa chức danh, điều chỉnh số lượng người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách bảo đảm hợp lý, hiệu quả

3.2.1. Thực hiện kiêm nhiệm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND hoặc UBND cấp xã; bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, bản, khu phố, trưởng ban mặt trận; cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiêm cán bộ văn phòng cấp ủy.

3.2.2. Thực hiện kiêm nhiệm bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND hoặc UBND cấp huyện.

- Xác định địa phương nào.
- Thời gian, lộ trình thực hiện hợp lý.
- Số lượng biên chế tinh giản.
- Tính khả thi và hiệu quả.

3.2.3. Đề xuất nhất thể hóa một số chức danh tương đồng về chức năng, nhiệm vụ (nghiên cứu đề án của tỉnh Quảng Ninh) như: Chủ nhiệm UBKT với Chánh Thanh tra; Trưởng Ban Tổ chức với Thủ trưởng cơ quan Nội vụ; Trưởng Ban Dân vận với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Trưởng Ban Tuyên giáo với giám đốc trung tâm chính trị... đề xin chủ trương Trung ương làm thí điểm.

3.2.4. Thực hiện khoán quỹ lương và chi quản lý hành chính đối với cán bộ, công chức cấp xã theo định biên đã thực hiện tinh giản (...%) -> đề xuất rõ tinh giản bao nhiêu, hiệu quả và tính khả thi.

- Khoán số lượng chức danh, quỹ phụ cấp thường xuyên đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn; khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội; thôi chi trả phụ cấp thường xuyên đối với vị trí trưởng, phó các tổ chức đoàn thể thôn, bản, khu phố -> hiệu quả (về con người, công việc, ngân sách), tính khả thi.

3.3. **Đổi mới công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức** (về công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, xây dựng tiêu chí đánh giá, thanh tra, kiểm tra...)

4. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Áp dụng chính sách của Trung ương.

- Chính sách đặc thù của địa phương (những chính sách gì) có thể nghiên cứu một số chính sách sau:

+ Chính sách nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc đối tượng tinh giản biên chế hoặc không tái cử.

+ Chính sách hỗ trợ đối với đối tượng phải bồi dưỡng, đào tạo lại, để cơ cấu lại sau sắp xếp tổ chức, bộ máy.

+ Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với những người hoạt động không chuyên trách.

+ Chính sách cho lao động dôi dư sau khi sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế.

+ Chính sách khuyến khích xã hội hóa dịch vụ công.

+ Chính sách hỗ trợ đối với học sinh tại các điểm trường thuộc diện sắp xếp lại để chuyển về học tại các trường, điểm trường có điều kiện tốt hơn.

.....

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN